



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC.**
- Tên tiếng Anh: **Thu Duc Water Supply Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **Thu Duc Wasuco.J.S.C**
- Mã chứng khoán: TDW
- Năm báo cáo: 2011
- Trụ sở chính: Số 8 Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp.HCM
- Điện thoại: (08) 3896 0240 Fax: (08) 3896 0241
- Website: www.capnuocthuduc.vn

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

1. Những sự kiện quan trọng:

▪ Quá trình thành lập:

Công ty cổ phần cấp nước có lịch sử hình thành như sau:

Ngày 31/07/1991 Sở Giao thông công chánh thành phố Hồ Chí Minh ký Quyết định 202/QĐ-TCNTL về việc thành lập Chi nhánh cấp nước Thủ Đức Biên Hòa;

Ngày 12/01/2005, Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn ký Quyết định số 012/QĐ-CN-TCLĐTL về việc đổi tên Chi nhánh cấp nước Thủ Đức Biên Hòa thành Chi nhánh cấp nước Thủ Đức;

Ngày 31/8/2005 Tổng công ty cấp nước Sài Gòn ký quyết định 65/QĐ-TCT-TC về việc thành lập Chi nhánh cấp nước Thủ Đức trực thuộc Tổng công ty cấp nước Sài Gòn;

▪ Việc chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:

Ngày 30/12/2005 Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định 6662/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh cấp nước Thủ Đức thuộc Tổng công ty cấp nước Sài Gòn thành Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức.

Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần từ ngày 18/01/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005935 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng).
- Tổng số cổ phần: 8.500.000 cổ phần.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

▪ Niêm yết:

Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức đã tiến hành niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM theo Quyết định 206/QĐ-SGDHCM ngày 17/09/2010, cụ thể như sau:

- Tên công ty niêm yết: Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức.
- Tên tiếng Anh: Thu Duc Water Supply Joint Stock Company
- Tên viết tắt: Thu Duc Wasuco.J.S.C
- Trụ sở chính: Số 8 Không Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp.HCM
- GCNĐKKD: 4103005935 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/01/2007.
- Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng).

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mã chứng khoán: TDW
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (mười nghìn đồng).
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 8.500.000 cổ phiếu (tám triệu năm trăm nghìn).
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng).
- Ngày giao dịch đầu tiên trên HOSE: 11/11/2010.

2. Quá trình phát triển:

2.1 Ngành nghề kinh doanh:

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước;
- Cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (trên địa bàn được phân công theo Quyết định của Tổng công ty cấp nước Sài Gòn).
- Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng công nghiệp (trừ thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng).
- Xây dựng công trình cấp nước.
- lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

2.2 Tình hình hoạt động:

Trước áp lực của xã hội về sản phẩm thiết yếu phục vụ cuộc sống, sự đòi hỏi của khách hàng ngày càng cao về chất lượng sản phẩm phục vụ. Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức đã có nhiều cách làm đột phá để đạt được các chỉ tiêu đề ra, cân đối hài hòa giữa hiệu quả hoạt động kinh doanh và chức năng phục vụ xã hội.

Trong giai đoạn 2007 - 2011, qua quá trình nỗ lực, quyết tâm cao của lãnh đạo và tập thể CB.CNV, Công ty đã không ngừng mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh của đơn vị nhằm thực hiện nhiệm vụ xã hội cũng là nhiệm vụ chính trị là nâng cao tỉ lệ hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn quản lý. Doanh thu các năm sau đều tăng so với năm trước, qua đó tạo điều kiện tăng thu nhập, góp phần nâng cao đời sống CB.CNV. Trang thiết bị kỹ thuật được cải tiến, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý mạng lưới cấp nước; có động thái tích cực, hiệu quả trong việc giảm tỷ lệ nước thất thoát thất thu. Bên cạnh việc thường xuyên kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, công ty đã đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, giảm thủ tục phiền hà, giải quyết nhanh chóng mọi yêu cầu của khách hàng...Hiện tại số lượng khách hàng của công ty đứng thứ tư và doanh thu chiếm gần 13% trong toàn Tổng công ty.

Với sự quyết tâm và nỗ lực của tập thể, trong 5 năm qua, Công ty luôn hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	2007	2008	2009	2010	2011
A. Sản xuất kinh doanh						
1. Sản lượng nước cung cấp	1.000 m ³	27.425	31.573	35.530	39.980	39.999
2. Doanh thu tiền nước	tỷ đồng	128,670	149,463	173,067	263,999	305,668
3. Thay ĐHN các cỡ	cái	7.567	7.528	9.501	11.303	10.997
4. Thi công gắn ĐHN	cái	11.237	15.050	10.100	11.020	12.549
5. Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	71,56	73,41	75,84	78,67	81,56
B. Phát triển mạng lưới	mét	69.136	107.754	37.705	33.205	83.427
C. Cải tạo mạng lưới	mét	2.108	8.789	12.892	2.371	14.401
D. Hoạt động tài chính (*)						
1. Tổng doanh thu (Nước sạch, ĐHN, TC, khác)	tỷ đồng	125,667	157,164	182,406	278,431	327,380
2. Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	6,923	11,087	12,690	23,618	24,871
3. Lợi nhuận sau thuế (**)	tỷ đồng	5,465	8,463	9,976	18,728	19,452
4. Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	%	4,58	8,29	8,68	12	12
5. Thu nhập bình quân/người/tháng	triệu đồng	5,2	5,7	5,8	8,3	8,9

(*) Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức bắt đầu hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ tháng 2/2007, do đó chỉ tiêu hoạt động tài chính (tổng doanh thu, lợi nhuận...) được tính trên 11 tháng. Tuy nhiên, chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh (sản lượng nước, doanh thu tiền nước, gắn đồng hồ nước...), phát triển mạng, cải tạo mạng lưới được tính trên số liệu 12 tháng.

(**) Lợi nhuận sau thuế năm 2011 là lợi nhuận còn lại sau khi đã trừ các khoản thuế kê cả phần ưu đãi miễn giảm.

3. Định hướng phát triển:

3.1 Các mục tiêu chủ yếu của công ty:

- Nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp;
- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn, tăng trưởng lợi nhuận;
- Đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông;
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

3.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Căn cứ vào tình hình phát triển chung của ngành cấp nước, để đạt được mục tiêu đã đề ra, Công ty phải đảm bảo thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm. Không

chỉ giữ vững khách hàng truyền thống, mà còn chú trọng đến khách hàng tiềm năng tương ứng với mục tiêu dài hạn.

Dựa trên những ưu thế sẵn có của công ty cùng với khách hàng truyền thống, Công ty sẽ tiếp tục duy trì, ổn định và phát triển sản xuất. Trong đó, tập trung vào các nội dung sau:

- Nâng cao năng lực phát triển mạng lưới cấp nước cho các khu vực hiện chưa có hệ thống cấp nước sạch của thành phố;
- Tăng cường thu thập thông tin, tiếp cận với các khách hàng tiềm năng, mở rộng địa bàn phục vụ;
- Tăng sản lượng nước cung cấp cho khách hàng;
- Nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch;
- Phân đầu giảm tỷ lệ thất thoát nước.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2011:

a. Doanh thu và lợi nhuận

Năm 2011, dù gặp không ít khó khăn do ảnh hưởng của biến động nền kinh tế trong ngoài nước, tỷ lệ lạm phát tăng cao, giá cả các mặt hàng thiết yếu đều tăng, nhưng với sự nỗ lực của lãnh đạo và CB.CNV, công ty đã đạt mức doanh thu 327,38 tỷ đồng, hoàn thành 101,33% kế hoạch năm 2011.

b. Kết quả tài chính chủ yếu

- Tổng doanh thu: 327.380.370.903 đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 24.870.710.363 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 19.452.000.795 đồng.

c. Thực hiện nghĩa vụ Ngân sách Nhà nước

Trong năm 2011, Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức đã nộp ngân sách Nhà nước 8,608 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Thuế môn bài: 3.000.000 đồng.
- Thuế GTGT: 1.711.684.053 đồng.
- Thuế TNDN: 4.168.019.175 đồng.
- Thuế TNCN: 2.725.392.851 đồng.

Lợi nhuận sau thuế từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 đảm bảo chi trả cổ tức và trích lập các quỹ theo quy định.

d. Kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2011

Trong phiên họp ngày 20/3/2011, Hội Đồng quản trị thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 sẽ được tổ chức ngày 18/4/2012 phương án phân phối lợi nhuận năm 2011 như sau:

Stt	Nội dung	Tỷ lệ trích (%)	Số tiền (đồng)
	Lợi nhuận sau thuế		19.452.000.795
	Lợi nhuận phân phối		17.705.016.144
1	Trích các quỹ		
	- Quỹ Dự phòng tài chính	10	1.770.501.614
	- Quỹ khen thưởng	7	1.239.351.130
	- Quỹ phúc lợi – xã hội	10	1.770.501.614
	- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	2	354.100.323
	- Quỹ đầu tư phát triển, trong đó: + Phần được miễn giảm thuế + Trích từ LNSTPP		4.002.672.509 1.632.111.047 2.370.561.463
		13,39	
2	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức	57,61	10.200.000.000
3	Tỷ lệ chia cổ tức /vốn điều lệ		12%

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2011 đạt 19.452.000.795 đồng. Tuy nhiên, Lợi nhuận phân phối là 17.705.016.144 đồng, giảm 1.746.984.651 đồng do Công ty phải nộp bổ sung thuế TNDN năm 2010 theo kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của cơ quan Kiểm toán Nhà nước, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của Tổng công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV.

d. Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2011 của HĐQT

Trong năm 2011, HĐQT đã tiến hành tổ chức các cuộc họp thường kỳ để đánh giá tình hình và đưa ra những quyết định kịp thời phù hợp với từng thời điểm. HĐQT đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, những công việc chủ yếu thực hiện:

- Triển khai việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên đến ban Điều hành và các bộ phận trong Công ty.
- Chỉ đạo giám sát Ban Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ. Nhìn chung năm 2011 các cán bộ quản lý điều hành công ty đã thực hiện nhiệm vụ một cách năng động sáng tạo. Công tác quản lý điều hành cơ bản thực hiện được mục tiêu đề ra của kế hoạch kinh doanh năm 2011.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2011	Thực hiện năm 2011	Tỷ lệ hoàn thành (%)
A. Sản xuất kinh doanh				
1. Sản lượng nước cung cấp	1.000 m ³	39.980	39.999	100,05
2. Doanh thu tiền nước	tỷ đồng	305,890	305,668	99,93
3. Thay ĐHN cỡ nhỏ	cái	10.000	10.957	109,57
4. Thi công gắn ĐHN	cái	10.000	12.549	133,33
5. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch	%	81,5	81,56	+ 0,06
B. Phát triển mạng lưới	mét	83.427	83.427	100
C. Sửa chữa mạng lưới	mét	23.864	23.864	100
D. Kế hoạch tài chính:				
1. Tổng doanh thu (Nước sạch, ĐHN, TC, Thu nhập khác)	tỷ đồng	323,090	327,380	101,33
2. Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	24,44	24,87	101,76
3. Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	%	12,39	12	-0,39

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm: không có

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Công ty có nhiều lợi thế trong việc phục vụ cấp nước khách hàng, địa bàn phục vụ của công ty có vị trí gần Nhà máy nước Thủ Đức, do là khu vực đầu nguồn nên nguồn cung cấp ổn định, chất lượng nước luôn đạt các tiêu chuẩn quy định. Đồng thời, hiện nay địa bàn quận 2, quận 9, quận Thủ Đức có tốc độ đô thị hóa rất cao, nhiều nhà máy, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu dân cư... được xây dựng, nhiều khu vực chưa có hệ thống cấp nước của thành phố Hồ Chí Minh, do đó nhu cầu sử dụng nước trong tương lai là rất lớn.

Dựa trên những ưu thế sẵn có, Công ty sẽ tập trung vào các vấn đề sau:

- Phát triển mạng lưới cấp nước nhằm gia tăng số lượng khách hàng sử dụng nước.
- Nâng cao các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu.
- Tăng cường công tác chống thất thoát nước.
- Cải cách thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

1. Báo cáo tình hình tài chính.

Tình hình tài chính năm 2011 của Công ty qua một số chỉ tiêu

Stt	Nội dung	Đvt	Kỳ trước (2010)	Kỳ báo cáo (2011)
1	Cơ cấu tài sản	%		
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		62,86	69,64
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		37,14	30,36
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		62,12	64,43
	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn		37,88	35,57
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	Khả năng thanh toán nhanh		2,2	1,22
	Khả năng thanh toán hiện hành		2,42	1,39
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		6,95	6,33
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		7,65	6,70
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn CSH		18,36	17,78

▪ **Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh:**

Qua các chỉ số thanh toán, cơ cấu tài sản và nguồn vốn cho thấy tình hình tài chính tại Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức là tốt, luôn duy trì khả năng thanh toán ở mức an toàn cao, đảm bảo được khả năng thanh toán nợ phải trả cũng như nợ đến hạn. Điều này chứng minh rằng Công ty không những quan tâm đến hiệu quả kinh doanh mà còn luôn thận trọng trong việc sử dụng nguồn vốn của cổ đông.

▪ **Phân tích những biến động- những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động:** Không có.

▪ **Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo:**

Stt	Nội dung	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
	TÀI SẢN		
A	Tài sản ngắn hạn	101.205.818.091	110.983.080.805
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	12.169.726.244	1.232.907.054
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	61.082.434.611	59.924.666.667
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	12.211.085.522	38.364.266.811
4	Hàng tồn kho	12.282.130.716	10.158.839.163
5	Tài sản ngắn hạn khác	3.460.440.998	1.302.401.110
B	Tài sản dài hạn	232.125.032.078	187.846.068.818
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	231.984.032.078	187.807.068.818
3	Bất động sản đầu tư	-	-

Stt	Nội dung	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-
5	Tài sản dài hạn khác	141.000.000	39.000.000
	Tổng cộng tài sản	333.330.850.169	298.829.149.623
	NGUỒN VỐN		
A	Nợ phải trả	214.766.607.041	185.635.815.223
1	Nợ ngắn hạn	72.706.150.757	45.794.097.389
2	Nợ dài hạn	142.060.456.284	139.841.717.834
B	Vốn chủ sở hữu	118.564.243.128	113.193.334.400
1	Vốn chủ sở hữu	118.564.243.128	113.193.334.400
2	Nguồn kinh phí và các quỹ khác	-	
	Tổng cộng nguồn vốn	333.330.850.169	298.829.149.623

- **Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp:** Không có
- **Tổng số cổ phiếu theo từng loại:**
 - Cổ phiếu phổ thông: 8.500.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000đ/cổ phần)
- **Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại:** Không có
- **Tổng số cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:**
 - Cổ phiếu phổ thông: 8.500.000 cổ phiếu.
- **Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại:** Không có
- **Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn:** 12% vốn điều lệ (sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên ngày 18/4/4012)

2. Báo cáo cáo kết quả hoạt động SXKD

Trong năm 2011 Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đặt ra trên tất cả các chỉ tiêu lợi nhuận, cổ tức, doanh thu. Điều này cho thấy đã phát huy được các ưu điểm của mô hình công ty cổ phần như: Công ty được chủ động trong quyết định đầu tư, tổ chức sản xuất, sự gắn bó của CBCNV đồng thời là cổ đông đối với các hoạt động của Công ty mật thiết hơn, tinh thần trách nhiệm cao hơn.

a. Kết quả thực hiện năm 2011

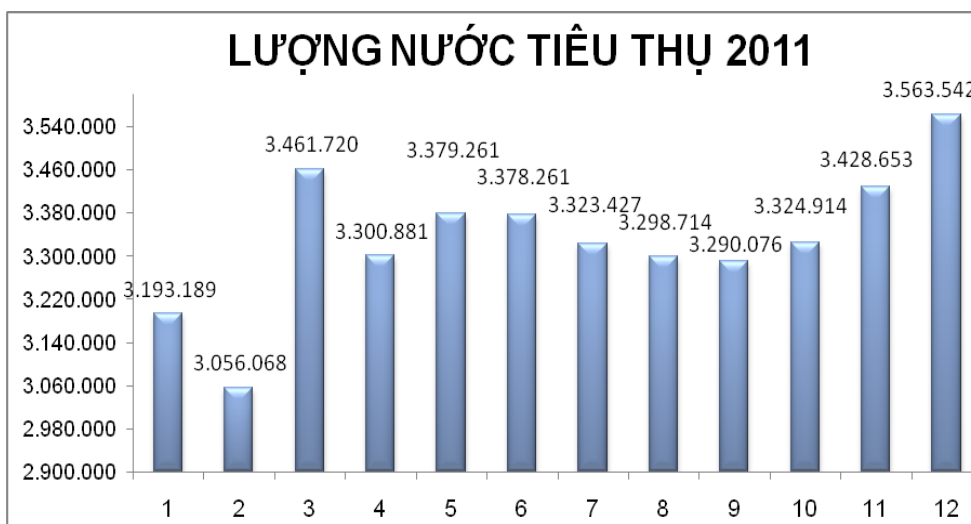
Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2011	Thực hiện năm 2011	Tỷ lệ hoàn thành (%)
A. Sản xuất kinh doanh				
1. Sản lượng nước cung cấp	1.000 m ³	39.980	39.999	100,05
2. Doanh thu tiền nước	tỷ đồng	305,890	305,668	99,93

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2011	Thực hiện năm 2011	Tỷ lệ hoàn thành (%)
3. Thay ĐHN cỡ nhỏ	cái	10.000	10.957	109,57
4. Thi công gắn ĐHN	cái	10.000	12.549	133,33
5. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch	%	81,5	81,56	+ 0,06
B. Phát triển mạng lưới	mét	83.427	83.427	100
C. Sửa chữa mạng lưới	mét	23.864	23.864	100
D. Kế hoạch tài chính:				
1. Tổng doanh thu (Nước sạch, ĐHN, TC, Thu nhập khác)	tỷ đồng	323,090	327,380	101,33
2. Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	24,44	24,87	101,76
3. Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	%	12,39	12	-0,39

b. Đánh giá kết quả thực hiện

▪ **Sản lượng nước cung cấp:**

Sản lượng nước cung cấp năm 2011 là 39.998.706 m³, đạt 100,05 % so với kế hoạch năm 2011. Để đạt được sản lượng này là có sự đóng góp rất lớn từ công tác phát triển mạng cấp 3 và gắn mới đồng hồ nước. Đặc biệt trong năm 2011 Công ty đã gắn mới 12.549 ĐHN trong đó có khoảng 7.000 ĐHN cho khu vực quận Thủ Đức (đặc biệt là đã tăng áp cho phường Hiệp Bình Chánh và xoá vùng trắng Linh Xuân); đồng thời đội Quản lý đồng hồ nước đã rất nỗ lực trong việc đọc đúng ngày, tiếp cận với từng đồng hồ nước, tránh trường hợp phóng số, ém số, ảnh hưởng đến sản lượng nước tiêu thụ, những trường hợp đồng hồ nước chạy bất thường (đặc biệt là đồng hồ nước cỡ lớn) phải báo cáo ngay để Công ty có biện pháp giải quyết. Đồng thời, động viên anh em cố gắng đi lại nhiều lần, kể cả ngoài giờ để tiếp cận đồng hồ nước, giảm tối đa trường hợp phải tạm tính trung bình do nhà đóng cửa không đọc được chỉ số. Kết quả đạt được như trên đã phản ánh tinh thần trách nhiệm, sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, công nhân lao động của toàn Công ty.



Đảm bảo cung cấp nước an toàn, liên tục phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân trên địa bàn. Công ty đã điều phối cung cấp nước bằng xe bồn đến các hộ dân tại khu vực phường Hiệp Bình Chánh, Hiệp Bình Phước, Linh Trung, Tam Bình – quận Thủ Đức với tổng số 11.053 chuyến xe bồn (141.408 m³) và 74 chuyến xà lan (88.900 m³).

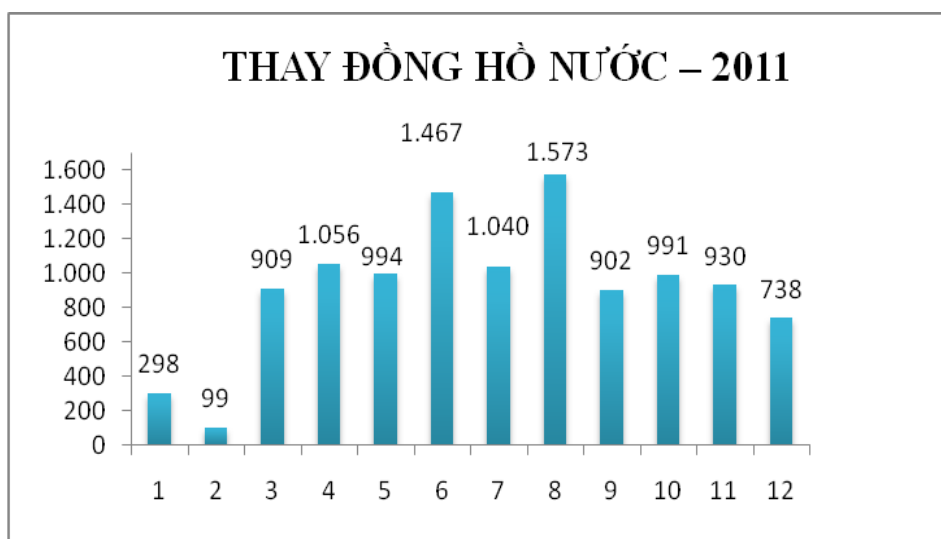
▪ **Về doanh thu và thực thu:**

Năm 2011, doanh thu tiền nước thực hiện được 305.667.847.837 đồng đạt 99,93% so với kế hoạch năm.

Trong năm 2011 Công ty đã có những cải tiến trong công tác quản lý, đọc số, in hóa đơn và công tác thu tiền. Trong đó sự nỗ lực rất lớn của tập thể đội Thu tiền và sự hỗ trợ nhiệt tình từ các phòng, ban, đội như: đội Quản lý đồng hồ nước, Ban Kiểm tra, phòng Kinh doanh, đội TCTB... giúp cho công tác thực thu đạt 100,03%. Trong năm 2011 Đội Thu tiền đã triển khai sử dụng phần mềm quản lý hoá đơn kết hợp với thiết bị đọc mã vạch. Mặc dù đang trong giai đoạn hoàn thiện nhưng phần mềm này đã mang lại hiệu quả trong việc giảm các sai sót và nâng cao năng suất lao động cho đội ngũ thu ngân viên.

▪ **Chỉ tiêu thay đồng hồ nước:**

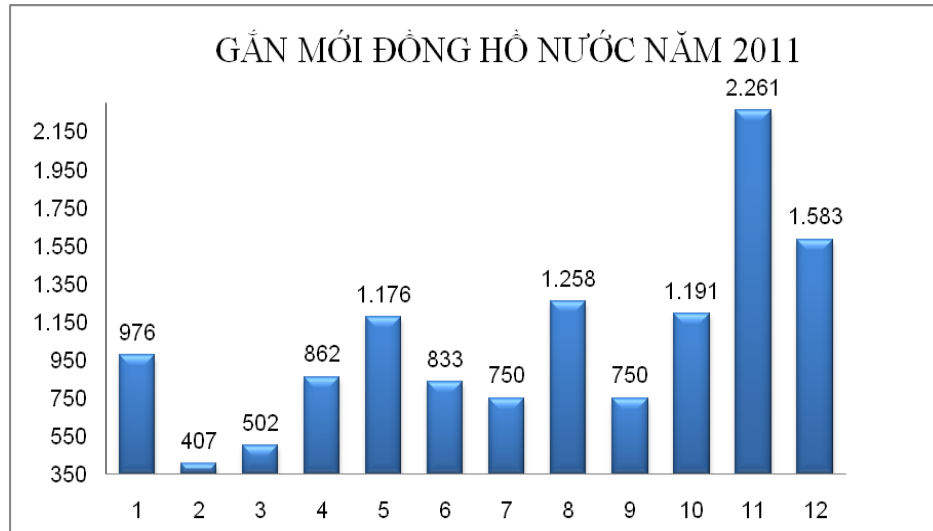
Kết quả thực hiện chỉ tiêu thay đồng hồ nước cỡ nhỏ là 10.957 cái, đạt 109,57 % kế hoạch năm, thay đồng hồ nước cỡ lớn là 40 cái, đạt 133.3 % kế hoạch năm. Công tác thay đồng hồ nước của Đội thi công tu bổ, kết hợp với công tác kiểm tra sản lượng nước tiêu thụ thực tế của các đồng hồ cỡ lớn của Ban kiểm tra để có những điều chỉnh hợp lý, góp phần không nhỏ trong công tác giảm nước thất thoát, thất thu chung của của cả Công ty.



▪ **Chỉ tiêu gắn mới đồng hồ nước:**

Nhằm đảm bảo thực hiện kế hoạch gắn mới ĐHN trong năm 2011. Ngay từ đầu năm Công ty đã cố gắng đẩy nhanh tiến độ ở tất cả các khâu từ khâu nhận hồ sơ đến khảo

sát thiết kế... Công ty đã gắn mới được 12.549 ĐHN, đạt 125,49 % kế hoạch năm. Trong đó có phần đóng góp rất lớn của phát triển hệ thống mạng lưới cấp nước tại khu vực trước đây gặp rất nhiều khó khăn như: phường Hiệp Bình Phước, phường Hiệp Bình Chánh, đặc biệt là phường Linh Xuân quận Thủ Đức. Tính đến hết tháng 12/2011 Công ty đang quản lý 107.492 đồng hồ nước.



▪ **Chỉ tiêu phát triển mạng lưới cấp nước:**

Kết quả thực hiện chỉ tiêu phát triển mạng lưới cấp nước năm 2011 với 22 dự án có khối lượng 83.427m đạt 100 % kế hoạch năm. Tăng 50.222m và bằng 251,25% so với năm 2010. Tiến độ thực hiện đạt chỉ tiêu so với kế hoạch năm. Do ngay từ đầu năm Công ty đẩy nhanh công tác chuẩn bị hồ sơ, chủ động liên hệ với các cơ quan – ban ngành có liên quan nhằm nhanh chóng hoàn thành các thủ tục và tháo gỡ các vướng mắc trong giai đoạn triển khai. Có thể nói việc đẩy mạnh công tác PTMLCN tại các khu vực có mật độ dân cư đông đúc như Phường Linh Xuân, Phường Bình Chiểu, Phường Linh Trung .v.v... cơ bản đã giải quyết những bức xúc của người dân trong khu vực trên cũng như góp phần nâng sản lượng nước tiêu thụ.

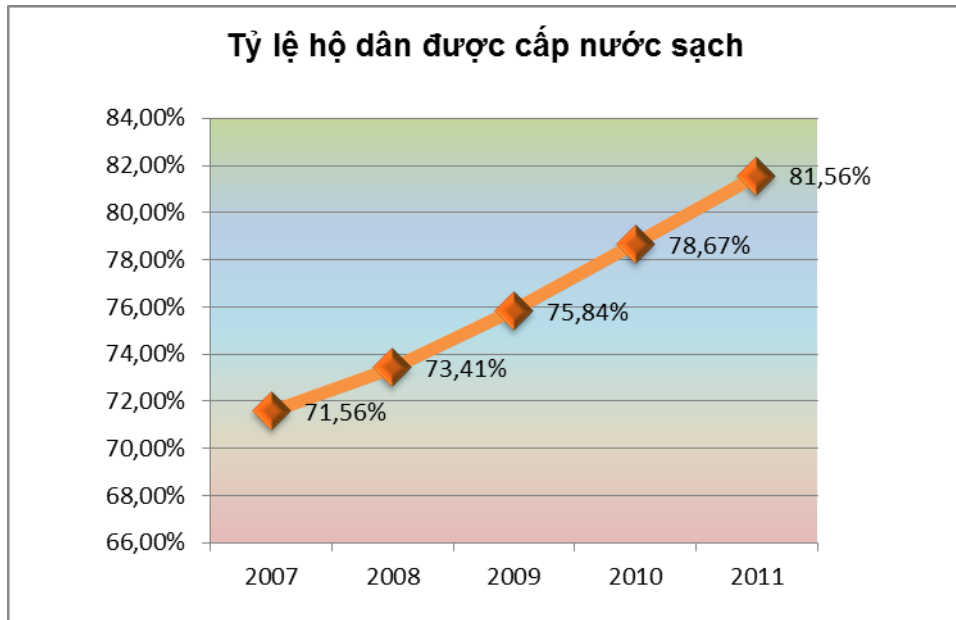
▪ **Chỉ tiêu cải tạo mạng lưới cấp nước:**

Kết quả thực hiện chỉ tiêu SCOM năm 2011 được 14.401m đạt 100% kế hoạch năm. Tổng kinh phí khoảng 23,8 tỷ đồng. Tăng 12.030m và bằng 607,38% so với năm 2010. Để đạt được kết quả nêu trên Công ty đã chủ động vượt qua một số khó khăn khách quan như: thủ tục cấp phép đào đường của Sở GTVT chậm, vướng công trình hạ tầng kỹ thuật và một phần công ty phải tập trung triển khai các dự án PTMLCN tại các khu vực Phường Bình Chiểu, Linh Xuân, Linh Trung v.v...

▪ **Chỉ tiêu: Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch:**

Chỉ tiêu tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch là chỉ tiêu pháp lệnh do Ủy ban nhân dân Thành phố ấn định mức phấn đấu hàng năm của Tổng công ty, trong thời gian qua, Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức đã kết hợp với chính quyền địa phương đánh giá chính xác lại số liệu thống kê làm cơ sở đề ra các biện pháp như:

- Thông báo đến địa phương về các dự án phát triển mạng mới hoàn thành đưa vào sử dụng để vận động người dân sử dụng nước máy.
- Khắc phục khó khăn, cung cấp nguồn nước liên tục và đảm bảo chất lượng để dần chấm dứt tình trạng sử dụng nước giếng khoan tự phát và các nguồn nước khác không đảm bảo chất lượng ảnh hưởng đến sức khỏe người dân.



▪ **Công tác quản lý mạng lưới:**

- Công ty đã sửa chữa kịp thời 4.468 điểm bể. Tiếp nhận thông tin báo bể từ khách hàng 24/24 giờ, đồng thời công tác sửa bể được triển khai khắc phục ngay trong thời gian 03 giờ kể từ khi tiếp nhận thông tin.
- Sửa chữa coi van 144 điểm, giúp cho công tác quản lý và điều tiết áp lực trên mạng.
- Di dời, đổi cỡ 689 đồng hồ nước, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác biên đọc chỉ số và quản lý của đơn vị.

▪ **Công tác phục vụ nước bằng xe bồn.**

Để giải quyết khó khăn về nguồn nước sinh hoạt tại khu vực chưa có mạng lưới cấp nước sạch của thành phố (chờ Tổng công ty lắp đặt tuyến ống cấp 2) tại phường Hiệp Bình Phước quận Thủ Đức. Công ty đã chỉ đạo Đội xe vận chuyển nước liên tục đến nơi phục vụ, kể cả các ngày thứ bảy, chủ nhật và các ngày lễ tổng cộng là 5.814 chuyến đạt 29.070 m³.

▪ **Công tác tài chính:**

Công ty luôn tạo điều kiện về thời gian và kinh phí để đào tạo đội ngũ làm công tác kế toán – tài chính nâng cao trình độ chuyên môn nhiệm vụ và cập nhật kịp thời các quy định mới của nhà nước liên quan đến công tác chuyên môn.

Năm 2011, Công ty luôn đảm bảo:

- Kiểm tra, giám sát thu chi đúng quy định, quản lý, bảo toàn và phát triển được nguồn vốn.
- Chấp hành các chế độ báo cáo tài chính đúng quy định của Nhà nước và của Tổng Công ty, đảm bảo đáp ứng cho hoạt động của Công ty được liên tục.
- Xác định, hạch toán các khoản doanh thu, chi phí sản xuất kinh doanh trong năm, các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

▪ **Công tác tiết kiệm, chống lãng phí :**

Thực hiện chủ trương tiết kiệm chống lãng phí, Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức đạt được một số thành quả như sau:

- Công tác mua sắm vật tư: Thực hiện đúng theo quy trình, quy định. Đơn vị được chọn cung cấp hàng hóa là nhà cung cấp có giá chào giá thấp nhất so với các đơn vị còn lại và hàng hóa phải đạt yêu cầu về chất lượng (ít nhất có ba nhà cung cấp).
- Để tiết kiệm chi phí điện, nước, điện thoại, ngoài việc giáo dục ý thức tiết kiệm cho từng CBCNV, Công ty tiến hành định mức cụ thể cho từng phòng, ban, đội đồng thời tiến hành truy thu tất cả các cuộc gọi sử dụng vào việc riêng, đối với công tác tiết kiệm điện, mỗi phòng, ban đội tiết kiệm 2 giờ không sử dụng máy lạnh (01 giờ buổi sáng và 01 giờ trước khi ra về).
- Trong năm 2011 Công ty đã thực hành tiết kiệm một số chỉ tiêu chủ yếu như: Cước sử dụng điện thoại, tiền nước, văn phòng phẩm và chi phí mua sắm phương tiện bảo vệ cá nhân với tổng số tiền là 10.041.246 đồng. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và thay đồng hồ nước: 5.028.602.267 đồng.
- Nhờ công tác khoán quỹ lương cho Đội thu tiền và đội quản lý đồng hồ nước mà công ty đã hạn chế được việc tuyển thêm lao động. Tiết kiệm quỹ lương cho Công ty, tăng thu nhập cho công nhân lao động trực tiếp, gắn liền giữa trách nhiệm và quyền lợi của người lao động.

▪ **Công tác kiểm tra :**

Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong công tác kiểm tra, phát hiện và xử lý gian lận nước, nhưng Ban kiểm tra luôn cố gắng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Giải quyết 8.070/8.235 hồ sơ các loại, đạt 98%. Trong đó giải quyết 1.027/1.038 đơn thư khiếu nại của khách hàng, đạt 99%.
- Xử lý 651 trường hợp khách hàng sử dụng nước gian lận, chênh lệch định mức giá biểu, truy thu số tiền 2.730.073.816 (vượt kế hoạch đề ra 24%).
- Hỗ trợ tích cực các Phòng, Ban, Đội trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Đối với công tác giảm nước thất thoát, Ban Kiểm tra đã tiến hành kiểm tra 625 trường hợp hoá đơn bằng 0 nhiều kỳ, đề xuất biện pháp giải quyết các trường hợp nhà đóng cửa, bỏ hoang; kiểm tra, làm việc với 15 khách hàng sử dụng ĐHN cỡ lớn có tiêu thụ thấp để hạ cỡ ĐHN cho phù hợp.
- Hỗ trợ Đội Thu tiền thu tiền nước các khách hàng cơ quan nợ số tiền lớn, chống thất thu cho Công ty; Thu tiền nước các trường hợp khách hàng trả ĐHN trên 500 hoá đơn, số tiền trên 70 triệu đồng.
- Kiểm tra, đề nghị Phòng Kinh doanh điều chỉnh giá biểu 2.400 trường hợp, chọn lọc trong 385 trường hợp giá biểu 32 (sản xuất) có tiêu thụ lớn để kiểm tra, truy thu tiền nước và chuyển giá biểu cho phù hợp thực tế đối tượng sử dụng nước, góp phần nâng giá bán bình quân.

▪ **Công tác Giảm nước không doanh thu**

Trong năm 2011 Công ty đã triển khai thực hiện chương trình giảm nước thất thoát, thất thu trên 11 khu vực đồng hồ tổng (ĐHT):

- Chiếm 19,69% trên tổng chiều dài mạng lưới toàn công ty.
- Chiếm 18,77% trên tổng số lượng đồng hồ nước toàn công ty.
- Chiếm 25,01 % trên tổng sản lượng ĐHT cấp vào công ty, trong đó:
 - 04 khu vực ĐHT đã triển khai thực hiện Giảm nước thất thoát thất thu đang trong giai đoạn tìm hãm tỉ lệ thất thoát nước ở mức cho phép dưới 15%.
 - 07 khu vực ĐHT mới triển khai thực hiện Giảm nước thất thoát thất thu trong năm 2011 đã thực hiện kéo giảm tỉ lệ từ trên 30% xuống dưới 15%: Cư xá Điện Lực, Bình Thắng, Bình An, Đại học Quốc Gia, Xa lộ Đại Hàn, Ximăng Vôi, Cư xá An Bình.
- Tổng lượng nước tiết kiệm qua công tác Giảm nước thất thoát thất thu năm 2011 tại 11 khu vực ĐHT: 55.671 m³/tháng.
- Tỷ lệ thất thoát trung bình của Công ty năm 2011: 25,44%.

1. Công tác tổ chức, nghiên cứu và đào tạo:

- Thực hiện đánh giá chất lượng Caretaker hiện tại để có phương hướng hỗ trợ, đào tạo. Tính tới 12/2011 Tổ Caretaker hiện có 09 Caretaker và 01 tổ trưởng.
- Tiến hành thu thập âm bề từ các thiết bị dò bể, sử dụng biểu mẫu cập nhật dữ liệu điểm bể, tiến đến xây dựng thư viện điện tử về âm thanh bể phục vụ cho công tác đào tạo đội ngũ dò bể ngầm .
- Đào tạo thêm mới 03 nhân viên dò bể, lực lượng tổ dò bể hiện có gồm: 07 nhân viên và 01 tổ trưởng.

- Lập bảng báo cáo công tác Giảm nước thất thoát thất thu theo thang màu . Qua đó giúp cho việc tổng hợp số liệu một cách logic, việc quản lý số liệu và đánh giá đạt hiệu quả cao.
- Đã thiết kế ,đặt gia công mẫu chân đế đặt sensor phục vụ công tác quản lý mạng lưới, dò tìm rò rỉ. Qua đó tiến hành thi công lắp đặt vào ngày 27/04/2011 và thử nghiệm chân đế đặt sensor 05 lần tại Khu Quang Thắng, đường 66, phường Thảo Điền, quận 2.

2. Công tác quản lý mạng lưới:

a) Công tác phân vùng tách mạng:

- Cập nhật họa đồ mạng lưới Q2, Q9, Thủ Đức theo chuẩn Sawaco đạt 95%.
- Thực hiện phân toàn bộ mạng lưới cấp nước của công ty thành 18CMA, 43DMA.
- Hoàn tất công tác đặt mã DMA, hoàn tất thống kê số lượng ĐHN ban đầu tại 11 khu vực thực hiện Giảm nước thất thoát thất thu và đang tiến hành rà soát, thống kê toàn bộ đồng hồ nước tại các DMA thuộc khu vực Quận 02.
- Tính tới 12/2011 trên toàn công ty có tổng cộng 31 ĐHT (lấy nước từ mạng cấp I, cấp II) để quản lý và theo dõi tỉ lệ thất thoát nước hàng tháng.

b) Công tác dò tìm rò rỉ:

- Xây dựng kế hoạch dò bể có tính hệ thống. Tập trung tăng cường dò bể tại các vùng ĐHT đang triển khai công tác giảm nước thất thoát thất thu, các vùng ĐHT có tỉ lệ thất thoát nước cao và tại các “điểm đen” trên địa bàn công ty.
- Lập kế hoạch cho các Caretaker sử dụng bút dò kiểm tra đồng hồ nước khách hàng, kết hợp với công tác kiểm tra tình hình sử dụng nước, kiểm tra gian lận,... Công tác này đang mang lại hiệu quả cao, do các Caretaker có thể tiếp cận được đồng hồ nước khách hàng nên dễ dàng phát hiện ra các điểm bể trên ống nhánh.

Tổng điểm bể được phát hiện qua chương trình kiểm tra ĐHN khách hàng bằng bút dò của Caretaker: 107 điểm bể /10.444 ĐHN được kiểm tra.

▪ Kết quả công tác dò bể năm 2011:

- Tổng chiều dài thực hiện dò: 1.544 km .
- Tổng số điểm bể phát hiện được: 264 điểm.
- Tỉ lệ dò bể chính xác đạt: 69%.

c) Công tác sửa bể:

- Tổ chức trực sửa bể 24/24, tiếp nhận các nguồn thông tin báo bể từ nhân dân, CB.CNV khi đi công tác, Tổ dò bể... phát hiện được, tổ chức triển khai khắc phục kịp thời.

- Thực hiện thay toàn bộ ống nhánh khi phát hiện ống cũ mục, đặc biệt là các ống nhánh Ø21, đai xám ...
- Tăng cường công tác giám sát chất lượng thi công, sửa bể trên địa bàn do Công ty quản lý, đặc biệt tại các vùng triển khai giảm nước thất thoát thất thu, nhằm đảm bảo công tác thi công, sửa bể đúng kỹ thuật.

d) Công tác coi van:

- Tiến hành rà soát, thống kê lượng van trên toàn mạng lưới của Công ty:
 - ♦ Tổng số van tuyến trên toàn mạng lưới: 1.200 van.
 - ♦ Tổng số van Trữ cứu hỏa trên toàn mạng lưới: 989 van.
- Thường xuyên vận hành thử, bảo trì hệ thống van trên mạng lưới, đặc biệt là các van cô lập mạng lưới.
- Tập trung nhân lực thực hiện kế hoạch coi van trên toàn mạng lưới cấp nước do công ty quản lý theo danh sách và thứ tự ưu tiên. Đặc biệt tập trung vào các vùng thực hiện giảm nước thất thoát thất thu.
- Tiến hành thử nghiệm thiết bị dò van hiệu Gutermann, qua đó nhận thấy thiết bị dò van mới tỏ ra ưu điểm hơn về độ nhạy và khả năng dò sâu hơn so với thiết bị dò van hiện công ty đang sử dụng. Hiện Công ty đã trang bị 03 máy dò van Gutemann.
- Tăng cường công tác đo vẽ, cập nhật cốt van, đặt mã van cho hệ thống van trên toàn mạng lưới của công ty.
 - ♦ Tổng số van coi được trong năm: 144 van.

3. Công tác quản lý ĐHN khách hàng:

- Tiến hành rà soát, sắp xếp lại các đồng hồ con sau đồng hồ tổng cho chính xác nhằm phản ánh đúng tỷ lệ thất thoát nước của từng khu vực đồng hồ tổng để có kế hoạch đầu tư và giải pháp thực hiện giảm thất thoát nước phù hợp.
- Đang thực hiện sắp xếp lại lộ trình đọc số theo danh bộ liên kê để tăng hiệu quả trong công tác đọc số, thu tiền, cũng như công tác quản lý đồng hồ nước.
- Kiểm tra và cho nâng, dời, cải tạo lại... đối với những đồng hồ nước bị lắp, vị trí sai quy định, ống nhánh không đúng kỹ thuật.
- Giám sát kỹ việc thi công gắn mới, nâng, dời, đổi cỡ đồng hồ nước ... đảm bảo việc thi công đạt chất lượng.

4. Chương trình cập nhật họa đồ và dữ liệu khách hàng khu vực quận 2.

- Hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu đồng hồ nước khách hàng quận 2.

- Hiệu chỉnh lộ trình đọc số tại quận 2 dựa trên cơ sở dữ liệu đã hoàn chỉnh: đọc số ĐHN cuốn chiếu theo từng DMA và trong từng DMA đọc số theo từng cụm đường liên tục.
- Hoàn chỉnh dữ liệu mạng lưới quận 2 bằng AutoCad, đây chính là cơ sở cho việc thực hiện chương trình GIS.
- Dựa vào cơ sở dữ liệu khách hàng hoàn chỉnh, việc thống kê, tính toán và theo
- Trong thời gian tới sẽ tiếp kết các kết quả đã có qua công tác thống kê gần mới, cắt hủy trong thời gian từ sau khi chấm dứt giai đoạn cập nhật hiện trường (tính tới hết kỳ 9/2011) tới nay và tiếp tục lên kế hoạch, triển khai thực hiện cập nhật đồng hồ nước tại khu vực quận 9, Thủ Đức vào năm 2012.

▪ **Công tác chăm lo chế độ cho công nhân – lao động**

Công ty luôn quan tâm, chăm lo các chế độ cũng như đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, cụ thể như sau:

- Tổ chức và tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, các phong trào thể dục thể thao... nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn. Từ việc tham gia các hoạt động, các phong trào đã gặt hái nhiều thành tích đáng kể, cụ thể như: Giải Ba toàn đoàn Hội thao CNVC Tổng Công Cấp nước Sài Gòn (Giải nhất Bóng đá, giải nhất cầu lông đôi nam nữ, giải ba cờ tướng). Đội bóng đá công ty đoạt 5 giải nhất, 1 giải ba. Các hoạt động được Công ty tổ chức như: Hẹn mặt chúc Tết đầu năm với chương trình bốc thăm trúng thưởng. Giải bóng đá nội bộ Công ty, Hội thi Karaoke và thời trang công sở, báo cáo chuyên đề ‘Rượu, bia với an toàn giao thông’. Tham quan Bảo tàng Chứng tích chiến tranh. Giải thi đấu bóng chuyền công ty. Hội thi người đàn ông vào bếp...
- Ngoài ra, công tác chăm lo đời sống và thu nhập cho người lao động là mối quan tâm hàng đầu của Công ty. Thu nhập bình quân đạt 8,9 triệu đồng/người/tháng tăng 7,5% so với năm 2010; mua bảo hiểm rủi ro cho người lao động với mức bồi thường tối đa là 20 triệu đồng/người/vụ tai nạn.
- Tặng quà sinh nhật cho CBCNV, mỗi phần quà trị giá 200.000 đồng.
- Công ty thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động theo Thỏa ước lao động tập thể. Năm 2011, chi quà Tết Nguyên đán 650.000 đồng/phần quà.

▪ **Thực hiện công tác lương khoán.**

Bước đầu cho thấy việc khoán quỹ lương đã kích thích tăng suất lao động và tăng thu nhập CBCNV. Tuy thời gian đầu mới áp dụng còn có nhiều việc cần phải điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế; đến nay cơ bản đã tương đối hoàn chỉnh và dần ổn định. Trong năm 2012 sẽ tiếp tục điều chỉnh cho phù hợp.

▪ **Công tác tổ chức hành chính:**

a. Công tác tổ chức :

Trong năm 2011 công ty cố gắng khắc phục khó khăn và những vấn đề còn tồn đọng như giảm bớt lượng hóa đơn tồn, giải quyết nhanh công tác cắt hủy tận gốc các đồng hồ nước khách hàng không sử dụng trong thời gian lâu không có lý do, hay các trường hợp nhà giải tỏa nhằm giảm thất thoát nước, thất thu cho công ty. Và để có cái nhìn chiến lược trong công tác kinh doanh sử dụng đồng vốn hiệu quả, công ty cần có bộ phận thống kê và phân tích tổng hợp các công tác tại đơn vị nhằm rút ra những ưu nhược điểm để có định hướng khắc phục và phát triển trong tương lai. Chính vì vậy, công ty đã thành lập thêm 2 tổ và 1 đội, cụ thể :

- Quý 1/2011 : Công ty thành lập tổ Quản lý tài sản kỹ thuật (Stam) trực thuộc của Phòng Kỹ thuật
 - Quý 3/2011 : Công ty thành lập Đội xe từ tổ xe trực thuộc Phòng KHVTTH
 - Quý 4/2011 : Công ty thành lập tổ Cắt hủy danh bộ trực thuộc Đội Thi công – Tu bổ.
- Thường xuyên theo dõi các thiết bị PCCC, và có đề xuất thay thế kịp thời.
 - Chuẩn bị chu đáo công tác phục vụ hội nghị, hội họp cho công ty như : Hội nghị người lao động, Hội nghị chi bộ, các cuộc họp giao ban hàng tháng, tổ chức các cuộc họp của Ban Giám đốc với các đơn vị bên ngoài.
 - Lên lịch công tác tuần kịp thời và đầy đủ.
 - Thông báo kịp thời cho CB.CNV những ngày nghỉ lễ theo quy định của nhà nước.
 - Thường xuyên thay thế, sửa chữa kịp thời các thiết bị, đèn chiếu sáng.
 - Thường xuyên bảo trì các tài sản có giá trị để bảo quản và sử dụng được lâu hơn tiết kiệm chi phí cho công ty.

b. Công tác nhân sự :

Qui mô hoạt động Công ty ngày càng phát triển, cụ thể : mỗi năm tăng bình quân 10.000 khách hàng, công tác cải tạo nâng cấp mạng lưới luôn được quan tâm cùng với công tác phát triển mạng lưới nhằm tăng và sản lượng nước, doanh thu và lợi nhuận cho công ty trong tương lai. Bên cạnh đó công tác thay đồng hồ nước định kỳ theo quy định cũng được thực hiện thường xuyên. Vì vậy nhu cầu nhân sự mỗi năm đều có chiều hướng tăng lên. Đây cũng là vấn đề khó khăn công ty cần giải quyết, do đó để tiết kiệm lao động, tăng thu nhập cho người lao động Công ty đã tiết kiệm được 18 lao động so với kế hoạch đã đề ra. Cụ thể:

- Công ty đã tuyển bổ sung 23 lao động, trong đó có 10 lao động thay thế cho các nhân viên nghỉ hưu, và nghỉ việc.
- Bổ nhiệm thêm 1 đội trưởng và 4 tổ trưởng, cụ thể: Đội trưởng Đội xe, Tổ trưởng Tổ Quản lý tài sản kỹ thuật, Tổ trưởng Tổ Kiểm tra, Tổ trưởng Tổ Kế hoạch, Tổ trưởng Tổ Cắt hủy danh bộ.

- Ngoài ra, trong năm công ty đã tái ký hợp đồng cho 57 nhân viên, nâng lương cho 44 nhân viên văn phòng, và nâng bậc cho 42 công nhân trực tiếp, và điều động 5 nhân viên.

c. Công tác đào tạo :

- Công ty đã liên hệ với Trung tâm Đào tạo ngành nước miền nam để mở lớp đào tạo nâng cao tay nghề cho CB.CNV. Năm 2011 công ty đã tạo điều kiện cho 57 nhân viên tham gia lớp học nâng cao tay nghề, và sau khi hoàn thành khóa học có 42 nhân viên đạt yêu cầu và được nâng bậc theo quy định.
- Tổ chức 2 đợt bồi dưỡng kiến thức về công tác phòng cháy chữa cháy cho toàn bộ CB.CNV trong công ty nhằm nâng cao ý thức phòng cháy chữa cháy cho từng CB.CNV để giữ gìn và bảo vệ tài sản chung của công ty.
- Cử 1 cán bộ an toàn vệ sinh viên tham gia khóa học về an toàn lao động tại Đà Lạt.
- Phát động phong trào tìm hiểu các quy định liên quan đến ngành nước cho CB.CNV để phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn.

d. Công tác thực hiện chính sách, chế độ cho CB.CNV :

- Công ty thực hiện đầy đủ chính sách chế độ cho người lao động như : tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn cho CB.CNV. Ngoài ra, công ty còn chi trả tiền cơm trưa, phí lưu động, độc hại, nghỉ ốm, thai sản và các phụ cấp khác theo đúng quy định của nhà nước.
- CB.CNV được nâng lương, nâng bậc, nghỉ hưu theo đúng quy định của nhà nước.
- 100% CB.CNV được công ty ký hợp đồng lao động và trang bị đầy đủ phương tiện làm việc.
- Công ty trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động, đồng phục cho toàn bộ CB.CNV trong công ty.

e. Công tác chính trị tư tưởng:

- Kịp thời phổ biến, quán triệt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật Nhà nước, các chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên và của chi bộ đến các cán bộ, đảng viên, công nhân lao động.
- Thực hiện đợt học tập, quán triệt và triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ IX do Đảng ủy Tổng Công ty tổ chức:
- Kỷ niệm 121 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2011) gắn với sự kiện 100 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước (5/6/1911-5/6/2011), tổ chức Hội thi “karaoke và Thời trang công sở” và kết hợp giới thiệu bài sơ lược về thân thế và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Qua đó, giáo

đục CB.CNLD thực hiện văn minh nơi công sở và tìm hiểu thêm về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Tổ chức tuyên truyền về bài báo Dân Vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhân dịp kỷ niệm 81 năm ngày truyền thống công tác Dân vận của Đảng (15/10): Phổ biến đến CB.CNLD bài báo Dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Qua đó có thể thực hiện tốt hơn công tác dân vận trong công việc hàng ngày, nhất là bộ phận thường xuyên trực tiếp tiếp xúc khách hàng.
- Về phổ biến tài liệu về tình hình biển Đông: Thực hiện theo nội dung thứ 2 của Công văn số 24- CV/ĐU của Đảng ủy Tổng Công ty ngày 06/9/2011 về tổ công tác tuyên truyền, phổ biến tài liệu về tình hình Biển Đông; Chi ủy đã tổ chức 1 buổi phổ biến tài liệu “Tình hình Biển Đông gần đây và chủ trương xử lý của ta” tới toàn thể công nhân lao động công ty, góp phần nâng cao nhận thức của CB.CNLD về chủ trương, chính sách của Đảng ta về tình hình Biển Đông

f. Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Năm 2011, Công ty đã có nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng công tác phục vụ khách hàng, từ khâu giao tiếp đến giải quyết hồ sơ, cụ thể như sau:

- Cập nhật lại sơ đồ làm việc của các phòng ban đội, làm các bảng hướng dẫn thủ tục hành chính cho khách hàng.
- Ban hành kế hoạch số 2031/TĐ/PKD về việc nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng giai đoạn 2011-2015.

▪ Công tác Đoàn thể và thi đua – khen thưởng:

Hoạt động của các đoàn thể và các phong trào quần chúng của các Đoàn thể theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Với 35 đảng viên, Chi bộ Công ty Cổ phần cấp nước Thủ Đức đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh năm 2011 trên cơ sở xây dựng mỗi đảng viên là một hạt nhân trong phong trào đoàn thể, công tác chuyên môn thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2011.

Công đoàn luôn quan tâm chăm lo đời sống, bảo vệ quyền lợi cho CB.CNLD, đảm bảo thực hiện đầy đủ các điều khoản trong Thỏa ước lao động tập thể, tổ chức thành công Hội nghị đại biểu Người lao động năm 2011 đúng trình tự. Tuyên truyền vận động công đoàn viên phát huy quyền làm chủ tập thể và thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở công ty. Các kế hoạch sản xuất kinh doanh người lao động đều được tham gia góp ý thảo luận, đề xuất, kiến nghị để góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ.

Đoàn Thanh niên thực hiện tốt nhiệm vụ bồi dưỡng giáo dục cho Thanh niên, qua việc thực hiện các công trình Thanh niên đã thể hiện được tính xung kích trong thực hiện nhiệm vụ, mang lại hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị. Các công trình Thanh niên được thực hiện như: đọc số đồng hồ tổng và đồng hồ con ở khu vực Thảo Điền phục vụ chương trình Giảm nước không doanh thu, gán 200 đồng hồ nước cho các hộ dân khu vực lẻ trái Tỉnh lộ 43- phường Bình Chiểu – Quận

Thủ Đức, “Vệ sinh, phát quang và sơn mới lại 100 trụ cứu hỏa khu vực phường Thảo Điền- quận 2 và khu vực quận Thủ Đức, “Hệ thống tưới nước tự động bồn hoa của Công ty

Tổ chức và tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, các phong trào thể dục thể thao... nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn. Từ việc tham gia các hoạt động, các phong trào đã gặt hái nhiều thành tích đáng kể, cụ thể như: đội bóng đá công ty đoạt 7 giải nhất, 2 giải nhì và 1 giải ba. Đội bóng chuyền đoạt 1 giải tư, Đội văn nghệ công ty đoạt giải nhất toàn đoàn, giải nhì chương trình và 1 giải nhất, 2 giải nhì, 1 giải khuyến khích trong các thể loại tham gia. Các hoạt động được tổ chức như: Hội thi tìm hiểu pháp luật và an toàn giao thông, Giải thi đấu bóng chuyền công ty, tham quan Bảo tàng Tây Ninh, Hội thi người đàn ông vào bếp, tổ chức tặng quà nhân ngày 01/6, 27/7; tuyên dương nữ CBCNLD đạt nữ 2 giỏi 5 năm, Đêm hội trăng rằm...

Các hoạt động xã hội, từ thiện:

- Ủng hộ phường Bình Thọ nhân dịp Tết Tân Mão : 500.000 đồng.
- Ủng hộ Hội Chữ Thập Đỏ quận Thủ Đức nhân dịp Tết Tân Mão : 500.000 đồng
- Ủng hộ TTBT Người tàn tật Thị Nghè nhân dịp Tết Tân Mão : 500.000 đồng.
- Ủng hộ TTBT Trẻ em Linh Xuân nhân dịp Tết Tân Mão : 500.000 đồng.
- Ủng hộ anh Ngô Trung Tín công ty CPCN Bến Thành : 4.600.000 đồng.
- Ủng hộ anh Nguyễn Sỹ Mỹ công ty CPCN Nhà Bè : 4.700.000 đồng.
- Ủng hộ Quỹ vì Người nghèo của Thị trấn Thủ Thừa tỉnh Long An xây nhà Tình thương : 15.00.000 đồng.
- Ủng hộ nhân dân Nhật Bản 01 ngày lương căn bản, số tiền 27.547.000 đồng.
- Ủng hộ quỹ vì Trường Sa thân yêu do phường Bình Thọ phát động: 500.000đồng
- Ủng hộ các gia đình chính sách nhân ngày 27/7 do phường Bình Thọ phát động : 500.000 đồng.
- Thăm và tặng quà cho các em tại TTBT Trẻ em Tam Bình bị nhiễm HIV nhân ngày 01/6, số tiền là 7.000.000 đồng và một số vật dụng như quần áo, tập sách, đồ chơi, truyện tranh, kẹo, bánh, sữa. Được vận động từ sự đóng góp của quỹ công đoàn, quỹ đoàn thanh niên và CB.CNV-LĐ tại đơn vị.
- Mua vé ủng hộ xem nghệ thuật Đoàn kịch nói Công an nhân dân : 500.000đồng
- Thăm và tặng quà cho Mẹ Liệt sĩ Nguyễn Thị Chuột và Mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Khâm tại phường Trường Thọ nhân ngày 27/7 là : 1.500.000 đồng.
- Tặng quà cho 12 em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại phường Trường Thọ nhân ngày Tết Trung Thu: 2.081.000 đồng.

Tổng số tiền ủng hộ cho các hoạt động xã hội, từ thiện là 95.463.200 đồng.

Kết quả thi đua khen thưởng.

a. Bình xét phân loại: Tổng số CBCNV: 304

- Loại A: 279 CB.CNVC
- Loại B: 09 CB.CNVC
- Loại C: 10 CB.CNVC
- Khuyến khích: 06 CB.CNVC

b. Danh hiệu thi đua:

▪ Cá nhân:

- Cá nhân đạt lao động tiên tiến: 263 CB.CNV
- Cá nhân đạt giấy khen công ty: 41 CB.CNV
- Cá nhân đạt giấy khen Tổng Công ty: 20 CB.CNV

▪ Tập thể:

- Danh hiệu “tập thể lao động xuất sắc”: 10 tập thể
- Tập thể đạt giấy khen công ty: 06 tập thể.
- Tập thể đạt giấy khen Tổng công ty: 04 tập thể.

▪ Tổ chức, đoàn thể:

- Chi bộ: Chi bộ trong sạch vững mạnh.
- Công đoàn: Công đoàn xuất sắc vững mạnh.
- Đoàn Thanh niên: Đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc và đạt danh hiệu lá cờ đầu trong các cơ sở đoàn của Đoàn Tổng Công ty.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011

Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán



Số: 08 /2012/UHYHCM - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 17 tháng 02 năm 2012, trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 2 và 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Tô Thị Thanh Nga

Phó Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1183/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2012

Phan Thanh Điền

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1496/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Mẫu số B 01-DN	
			Tại 31/12/2011	Tại 01/01/2011
1	2	3	4	5
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		101.205.818.091	110.983.080.805
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	12.169.726.244	1.232.907.054
Tiền	111		12.169.726.244	1.232.907.054
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		61.082.434.611	59.924.666.667
Đầu tư ngắn hạn	121	5	61.082.434.611	59.924.666.667
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	129		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.211.085.522	38.364.266.811
Phải thu khách hàng	131		4.728.757.114	2.817.889.945
Trả trước cho người bán	132		3.908.151.978	31.884.497.118
Các khoản phải thu khác	135	6	4.234.880.825	4.146.116.238
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(660.704.395)	(484.236.490)
Hàng tồn kho	140		12.282.130.716	10.158.839.163
Hàng tồn kho	141	7	12.282.130.716	10.158.839.163
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.460.440.998	1.302.401.110
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.064.577.630	389.704.171
Tài sản ngắn hạn khác	158	8	2.395.863.368	912.696.939
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		232.125.032.078	187.846.068.818
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		231.984.032.078	187.807.068.818
Tài sản cố định hữu hình	221	10	168.173.870.150	140.820.370.312
- Nguyên giá	222		325.399.706.643	270.097.172.297
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(157.225.836.493)	(129.276.801.985)
Tài sản cố định vô hình	227	9	81.735.484	16.701.857
- Nguyên giá	228		158.390.510	76.390.510
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(76.655.026)	(59.688.653)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	63.728.426.444	46.969.996.649
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		141.000.000	39.000.000
Chi phí trả trước dài hạn	261		92.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	268		49.000.000	39.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		333.330.850.169	298.829.149.623

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		214.766.607.041	185.635.815.223
Nợ ngắn hạn	310		72.706.150.757	45.794.097.389
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả người bán	312		16.247.731.881	4.862.907.564
Người mua trả tiền trước	313		17.524.322.247	16.403.783.750
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	2.870.308.869	1.682.734.122
Phải trả người lao động	315		8.481.011.465	8.425.401.082
Chi phí phải trả	316	13	16.951.971.639	7.752.522.260
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	9.034.482.691	5.619.176.417
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.596.321.965	1.047.572.194
Nợ dài hạn	330		142.060.456.284	139.841.717.834
Phải trả dài hạn khác	333	17	87.089.466.715	82.107.210.012
Vay và nợ dài hạn	334	15	54.406.310.893	57.366.066.975
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		564.678.676	368.440.847
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		118.564.243.128	113.193.334.400
Vốn chủ sở hữu	410	16	118.564.243.128	113.193.334.400
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		11.463.518.360	6.735.994.640
Quỹ dự phòng tài chính	418		4.395.708.624	2.512.599.393
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		17.705.016.144	18.944.740.367
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		333.330.850.169	298.829.149.623



Nguyễn Xuân Cầu
Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2012


Nguyễn Thị Ngọc Hạnh
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	314.744.612.894	271.772.759.253
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	19	111.497.860	106.078.444
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	314.633.115.034	271.666.680.809
Giá vốn hàng bán	11	20	211.449.737.471	147.956.676.536
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		103.183.377.563	123.710.004.273
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	9.671.758.169	4.741.110.228
Chi phí tài chính	22	22	3.515.680.336	3.574.322.054
Chi phí bán hàng	24	23	66.844.187.122	87.864.509.865
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	20.086.429.975	15.361.679.325
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.408.838.299	21.650.603.257
Thu nhập khác	31		3.075.497.700	2.023.319.777
Chi phí khác	32		613.625.636	56.316.172
Lợi nhuận khác	40		2.461.872.064	1.967.003.605
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.870.710.363	23.617.606.862
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	3.786.598.520	2.836.889.454
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.084.111.843	20.780.717.408
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26		



Nguyễn Xuân Cầu
Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Thị Ngọc Hạnh
Kê toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		24.870.710.363	23.617.606.862
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		27.966.000.881	26.076.935.336
Các khoản dự phòng	3		176.467.905	170.889.307
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(9.671.758.169)	(4.771.155.683)
Chi phí lãi vay	6		3.515.680.336	3.574.322.054
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		46.857.101.316	48.668.597.876
Tăng giảm các khoản phải thu	9		23.818.673.496	(26.001.192.666)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(2.123.291.553)	(3.397.240.146)
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		21.046.158.289	26.064.506.885
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(92.000.000)	23.660.182.904
Tiền lãi vay đã trả	13		(3.681.261.474)	(3.822.310.734)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.168.019.175)	(2.295.734.195)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.149.553.962	1.456.651.743
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.871.353.849)	(1.597.574.664)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		81.935.561.012	62.735.887.003
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(66.123.832.647)	(24.162.963.768)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	30.045.455
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(270.573.500.000)	(171.935.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		270.797.620.741	138.505.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.009.553.846	3.490.739.784
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(57.890.158.060)	(54.072.178.529)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		7.356.951.587	7.694.642.734
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.316.707.669)	(10.058.932.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.148.827.680)	(7.358.806.239)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.108.583.762)	(9.723.095.505)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		10.936.819.190	(1.059.387.031)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.232.907.054	2.292.294.085
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	12.169.726.244	1.232.907.054



Nguyễn Xuân Cầu
Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Thị Ngọc Hạnh
Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

8

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005935 ngày 18/01/2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 08 Không Tử, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty đến ngày 31/12/2011 là: 85.000.000.000 đồng, bao gồm:

Chủ sở hữu	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ %
+ Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	43.350.000.000	51%
+ Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	8.500.000.000	10%
+ Công ty Vof Investment Limited	25.500.000.000	30%
+ Vốn góp của các đối tượng khác	7.650.000.000	9%
Cộng	85.000.000.000	100%

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước;
- Cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (theo địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng – công nghiệp;
- Xây dựng công trình cấp nước (trừ thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng);
- Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác;

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển. Các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này đang được Công ty phản ánh trên báo cáo tài chính dưới chỉ tiêu các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

Công ty đang thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm: chi phí xây dựng công trình dở dang. Các khoản chi phí này được tập hợp trực tiếp theo từng công trình.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và tạm trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Đối với tài sản cố định do Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn bàn giao cho Công ty sử dụng dù đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ, tài liệu liên quan nhưng Công ty vẫn ghi tăng nguyên giá tài sản cố định theo Biên bản bàn giao tài sản cố định và trích khấu hao. Theo đó, chi phí khấu hao của những tài sản cố định này năm 2011 với số tiền là 4.187.058.766 đồng sẽ chưa đủ điều kiện để được ghi nhận là chi phí được trừ cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC, ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phụ tùng tiện vận tải; truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định hữu hình khác	05

3.6 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Phần mềm máy vi tính: là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

3.7 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỠ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác cùng loại, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ, bao gồm: chi phí cải tạo ống mưng, chi phí thuê nhân công...

3.9 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản (vốn hóa) cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 THUẾ

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định lợi nhuận chịu thuế cũng như chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo vào Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ, công văn 10235/CT-TTHT ngày 10/10/2007 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh về ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp cổ phần hóa. Ngoài ra, do Công ty thành lập và đầu tư vào ngành nghề thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư là Hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, phục vụ công nghiệp nên thuế suất thuế TNDN được áp dụng là 20% trong thời gian 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động; được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo.

Các ngành nghề hoạt động có liên quan đến hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, phục vụ công nghiệp tạo thu nhập là hoạt động kinh doanh sạch, hoạt động gắn đồng hồ nước sẽ được áp dụng chính sách ưu đãi thuế. Thu nhập liên quan đến các hoạt động khác không được hưởng chính sách ưu đãi thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Tiền mặt	50.909.128	12.480.361
Tiền gửi ngân hàng	12.118.817.116	1.220.426.693
Cộng	12.169.726.244	1.232.907.054

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>		
- Ngân hàng Công Thương	17.601.611.111	15.424.666.667
Ngân hàng NN&PT NT CN Thủ Đức	8.000.000.000	26.000.000.000
Ngân hàng NN&PT NT CN Chợ Lớn	29.000.000.000	16.000.000.000
Ngân hàng NN&PT NT CN Bình Phú	2.773.000.000	2.500.000.000
Ngân hàng NN&PT NT CN Miền Đông	3.707.823.500	-
Cộng	61.082.434.611	59.924.666.667

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2011	Tại 01/01/2011
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	399.247.150	399.247.150
Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn (*)	2.200.686.276	2.319.752.024
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn đến 31/12/2011	360.533.304	825.703.777
Phải thu khác	1.274.414.095	601.413.287
Cộng	4.234.880.825	4.146.116.238

(*) Là các chi phí phát sinh sau thời điểm cổ phần hóa như chi phí chi hộ Tổng Công ty, chi phí gắn trụ cứu hỏa, chi phí gắn đồng hồ nước cho hộ nghèo, chi phí quản lý bồn nước...

7. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2011	Tại 01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.210.833.159	10.086.237.970
Công cụ, dụng cụ	10.525.454	11.829.090
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	60.772.103	60.772.103
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	12.282.130.716	10.158.839.163

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2011	Tại 01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	2.395.863.368	911.696.939
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn		1.000.000
	2.395.863.368	912.696.939

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính, phần mềm đăng ngân giải trách và quản lý hóa đơn tiền nước được khấu hao trong vòng 3 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc	Phương tiện	Thiết bị	TSCĐ	Tổng cộng
	vật kiến trúc VND	thiết bị VND	vận tải, truyền dẫn VND	dụng cụ, quản lý VND	khác VND	VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình (*)						
Tại ngày 01/01/2011	2.169.522.200	3.030.607.780	264.094.864.326	788.797.991	13.380.000	270.097.172.297
- Mua trong năm		309.295.621	487.597.363	204.882.409		1.001.775.393
- Đầu tư XDCB hoàn thành			54.300.758.953			54.300.758.953
- Thanh lý, nhượng bán						-
Tại ngày 31/12/2011	2.169.522.200	3.339.903.401	318.883.220.642	993.680.400	13.380.000	325.399.706.643
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2011	1.358.636.274	2.378.408.154	125.059.426.010	467.843.547	12.488.000	129.276.801.985
- Khấu hao trong năm	89.455.192	241.907.989	27.485.044.214	131.735.113	892.000	27.949.034.508
- Thanh lý, nhượng bán						-
Tại ngày 31/12/2011	1.448.091.466	2.620.316.143	152.544.470.224	599.578.660	13.380.000	157.225.836.493
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Tại ngày 01/01/2011	810.885.926	652.199.626	139.035.438.316	320.954.444	892.000	140.820.370.312
Tại ngày 31/12/2011	721.430.734	719.587.258	166.338.750.418	394.101.740	-	168.173.870.150

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 32.805.946.182 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Đầu tư, xây dựng tài sản cố định	63.728.426.444	46.969.996.649
Trong đó:		
- <i>Chi phí xây dựng công trình</i>	<i>63.057.825.871</i>	<i>46.968.841.649</i>
+ PTMLCN Lê trái - Tỉnh lộ 43 - P. Bình Chiểu TĐ	-	3.774.430.505
+ PTMLCN đường Nguyễn Thị Định và các hẻm quận 2	-	1.890.167.381
+ PTMLCN phường Trường Thọ - Đợt 4/2005	-	996.103.294
+ PTMLCN phường Long Bình - Tân Phú Quận 9	698.713.183	698.713.183
+ PTMLCN các hẻm phường Hiệp Phú - P. TNP A-P. TNP B Q.9	-	687.256.515
+ PTML Phường Phước Long A - Quận 9	1.145.903.444	1.145.903.444
+ LĐTO Khu công nghệ cao	2.234.165.576	2.234.165.576
+ PTMLCN các hẻm phường Hiệp Phú - P. TNP A-P. TNP B Q.9	696.446.107	696.446.107
+ PTMLCN các hẻm phường Hiệp Bình Chánh - Q.Đ	499.043.167	499.043.167
+ PTML Đường Đỗ Xuân Hợp Q9	695.648.059	695.648.059
+ HTC N Khu TĐC P. Long Thạnh Mỹ Long Bình Q9	11.535.701.453	11.535.701.453
+ PTMLCN P. Linh Chiểu - Đợt 1/2005	1.128.886.041	1.128.886.041
+ PTMLCN Q.Thủ Đức - Đợt 3 - Năm 2004 (Đầu thầu)	1.086.519.330	1.086.519.330
+ Phủ kín MLCN theo TT 37	1.895.619.481	791.500.629
+ PTMLCN đường Nguyễn Xiển P. Long Bình Q9 đợt 2	-	1.206.035.085
+ PTMLCN đg 8 KP 1 & các hẻm P. Linh Xuân Q Tđức	2.714.842.876	-
SCOM D100 D150 Phường Thảo Điền Q2	3.815.403.583	-
SCOM ống sâu đg Kha Vạn Cân (từ Cầu Ngang - CX)	2.720.558.866	-
+ PTMLCN lẻ phải - Tỉnh lộ 43 - P. Bình Chiểu	1.951.691.169	-
Phủ kín mạng lưới cấp nước tờ trình 936	1.319.818.536	278.344.645
+ Các công trình khác	28.918.865.000	17.623.977.235
- <i>Xây dựng cơ bản - thiết bị</i>	<i>1.155.000</i>	<i>1.155.000</i>
- <i>Đồng hồ tổng</i>	<i>669.445.573</i>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.680.414.902	1.573.139.646
Thuế thu nhập cá nhân	189.893.967	109.594.476
Cộng	2.870.308.869	1.682.734.122

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Cải tạo ống mục	9.825.988.939	533.837.948
Chi phí thuê nhân công	6.239.929.461	6.041.968.802
Khác	886.053.239	1.176.715.510
Cộng	16.951.971.639	7.752.522.260

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	27.265.457	27.265.457
Kinh phí công đoàn	91.118.306	145.328.323
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.238.284.314	449.048.538
Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn	1.060.338.432	1.059.696.432
Cổ tức phải trả	81.246.795	64.566.795
Phí bảo vệ môi trường	3.083.676.535	3.162.272.197
Chi phí tự thực hiện	2.476.768.340	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	975.784.512	710.998.675
Cộng	9.034.482.691	5.619.176.417

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Vay Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn (*)	54.406.310.893	57.366.066.975

(*): Là các khoản vay Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn theo từng hợp đồng vay cụ thể, mức lãi suất từ 5,4%/năm đến 8,4%/ năm. Thời gian vay thay đổi tùy theo từng hợp đồng vay, thời gian ân hạn là 1 năm. Mục đích vay là đầu tư phát triển mạng cấp 3. Các khoản vay này không yêu cầu tài sản thế chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2010	85.000.000.000	3.217.978.454	1.498.264.437	11.576.321.613	101.292.564.504
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	18.727.775.900	18.727.775.900
- Trích lập các quỹ	-	1.465.074.678	1.014.334.956	(2.479.409.634)	-
- Thuế TNDN được miễn năm 2010	-	2.052.941.508	-	-	2.052.941.508
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2009	-	-	-	(1.516.687.040)	(1.516.687.040)
- Trích quỹ khen thưởng ban điều hành năm 2009	-	-	-	(202.224.939)	(202.224.939)
- Chia cổ tức	-	-	-	(7.378.000.000)	(7.378.000.000)
- Tăng khác	-	-	-	216.964.467	216.964.467
Tại ngày 31/12/2010	85.000.000.000	6.735.994.640	2.512.599.393	18.944.740.367	113.193.334.400
Tại ngày 01/01/2011	85.000.000.000	6.735.994.640	2.512.599.393	18.944.740.367	113.193.334.400
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	21.084.111.843	21.084.111.843
- Trích lập các quỹ	-	2.981.764.619	1.883.109.231	(4.864.873.850)	-
- Thuế TNDN được miễn giảm năm 2011	-	1.745.759.101	-	(1.745.759.101)	-
- Thuế TNDN phải nộp cho năm 2010 dựa theo báo cáo kiểm toán nhà nước.	-	-	-	(1.488.695.911)	(1.488.695.911)
- Trích nộp phạt do nộp chậm thuế năm 2010 theo báo cáo kiểm toán nhà nước	-	-	-	(258.288.741)	(258.288.741)
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2010	-	-	-	(3.304.856.701)	(3.304.856.701)
- Trích quỹ khen thưởng ban điều hành năm 2010	-	-	-	(461.361.762)	(461.361.762)
- Chia cổ tức	-	-	-	(10.200.000.000)	(10.200.000.000)
Tại ngày 31/12/2011	85.000.000.000	11.463.518.360	4.395.708.624	17.705.016.144	118.564.243.128

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn	43.350.000.000	43.350.000.000
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	8.500.000.000	8.500.000.000
Công ty Vof Investment Limited	25.500.000.000	25.500.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	7.650.000.000	7.650.000.000
Cộng	85.000.000.000	85.000.000.000

16.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	85.000.000.000	85.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	85.000.000.000	85.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	85.000.000.000	85.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm	10.183.320.000	7.358.806.239

16.4 CỔ TỨC

	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:	10.200.000.000	7.378.000.000
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu	10.200.000.000	7.378.000.000
+ thưởng:	-	-

16.5 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2011 Cổ phiếu	Tại 01/01/2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	8.500.000	8.500.000
+ Cổ phiếu thường	8.500.000	8.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.500.000	8.500.000
+ Cổ phiếu thường	8.500.000	8.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.6 CÁC QUỸ

	Tại 31/12/2011	Tại 01/01/2011
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	11.463.518.360	6.735.994.640
Quỹ dự phòng tài chính	4.395.708.624	2.512.599.393
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

17. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC (*)

	Tại 31/12/2011	Tại 01/01/2011
	VND	VND
Phải trả về đầu tư XDCB	30.267.158.250	29.795.265.345
Phải trả về giá trị tài sản viện trợ	6.477.896.668	1.967.532.870
Phải trả dài hạn khác	50.344.411.797	50.344.411.797
Cộng	87.089.466.715	82.107.210.012

(*): Là công nợ phải trả Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn.

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch	314.744.612.894	271.772.759.253
Trong đó:		
+ Doanh thu cung cấp nước	306.479.324.796	264.704.494.319
+ Doanh thu lắp đặt đồng hồ nước	8.161.309.244	6.970.089.837
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	103.978.854	98.175.097

19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	111.497.860	106.078.444
Trong đó:		
+ Chiết khấu thương mại		
+ Giảm giá hàng bán	19.458.029	51.205.664
+ Hàng bán bị trả lại	92.039.831	54.872.780

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn cung cấp nước	204.864.791.859	145.732.642.233
Giá vốn lắp đặt đồng hồ nước	6.584.945.612	2.224.034.303
Cộng	211.449.737.471	147.956.676.536

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.671.758.169	4.741.110.228
Cộng	9.671.758.169	4.741.110.228

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền vay	3.515.680.336	3.574.322.054
Cộng	3.515.680.336	3.574.322.054

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên	25.367.497.808	23.211.013.842
Chi phí nguyên vật liệu	12.034.703.755	5.245.109.177
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.726.952.203	25.839.777.024
Chi phí dịch vụ mua ngoài	213.832.435	492.816.432
Chi phí bằng tiền khác	1.501.200.921	33.075.793.390
Cộng	66.844.187.122	87.864.509.865

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.026.143.371	8.877.462.398
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng quản lý	648.119.119	546.501.137
Chi phí khấu hao tài sản cố định	239.048.678	237.158.312
Thuế phí, lệ phí	33.860.070	44.311.399
Chi phí dự phòng	393.539.217	347.986.246
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.214.276.538	1.484.175.421
Chi phí bằng tiền khác	4.531.442.982	3.824.084.412
Cộng	20.086.429.975	15.361.679.325

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.870.710.363	23.617.606.862
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu	68.350.000	47.600.000
Tổng thu nhập chịu thuế, trong đó:	24.939.060.363	23.665.206.862
Thu nhập chịu thuế suất 20%	16.321.110.466	20.529.415.083
Thu nhập chịu thuế suất 25%	8.617.949.897	3.135.791.779
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành, trong đó:	5.418.709.567	4.889.830.962
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50% trong năm (*)	1.632.111.047	2.052.941.508
Tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành	3.786.598.520	2.836.889.454

(*) Số thuế thu nhập doanh nghiệp giảm trừ này được Công ty dùng bổ sung "Quỹ đầu tư phát triển" theo quy định của Công văn số 499/TCĐN của Bộ Tài Chính ngày 16/01/2002 về việc quản lý hạch toán khoản TTNDN được miễn giảm tại các DNNN thực hiện chuyển đổi sở hữu.

Tài sản cố định của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn bàn giao cho Công ty sử dụng đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục theo quy định của Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp. Theo đó chi phí khấu hao tương ứng là 4.187.058.766 đồng có được xem là chi phí được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hay không phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế.

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

26.1 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.705.016.144	18.727.775.900
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	8.500.000	8.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.083	2.203

26.2 LỢI NHUẬN THUẬN THUỘC VỀ CỔ ĐÔNG SỞ HỮU CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	17.705.016.144	18.727.775.900

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Số 8 Không Tử, P. Bình Thới, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)

26.3 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN GIA QUYỀN GIA QUYỀN ĐANG LƯU HÀNH

	Năm 2011 Cổ phiếu	Năm 2010 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	8.500.000	8.500.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm		
Cổ phiếu quỹ		
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	8.500.000	8.500.000

27. THÔNG TIN KHÁC

27.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức là Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn. Trong năm, các nghiệp vụ và số dư của Công ty với bên liên quan cụ thể như sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Mua hàng từ các bên liên quan	204.573.752.857	152.096.061.736
- Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn	204.573.752.857	152.096.061.736

Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Phải thu khác		
- Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn	2.200.686.276	2.319.752.024
Trả trước người bán		
- Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn	-	30.580.584.372
Phải trả cho người bán		
- Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn	12.989.458.663	-
Phải trả khác ngắn hạn		
- Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	1.060.338.432	1.059.696.432
Phải trả khác dài hạn		
- Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	87.089.466.715	82.107.210.012
Các khoản vay		
- Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	54.406.310.893	57.366.066.975

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

27.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty đã được kiểm toán.



Nguyễn Xuân Cầu

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Thị Ngọc Hạnh

Kế toán trưởng



V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập:

Đơn vị kiểm toán độc lập: Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Cơ sở của ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán độc lập (*Trích Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*):

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

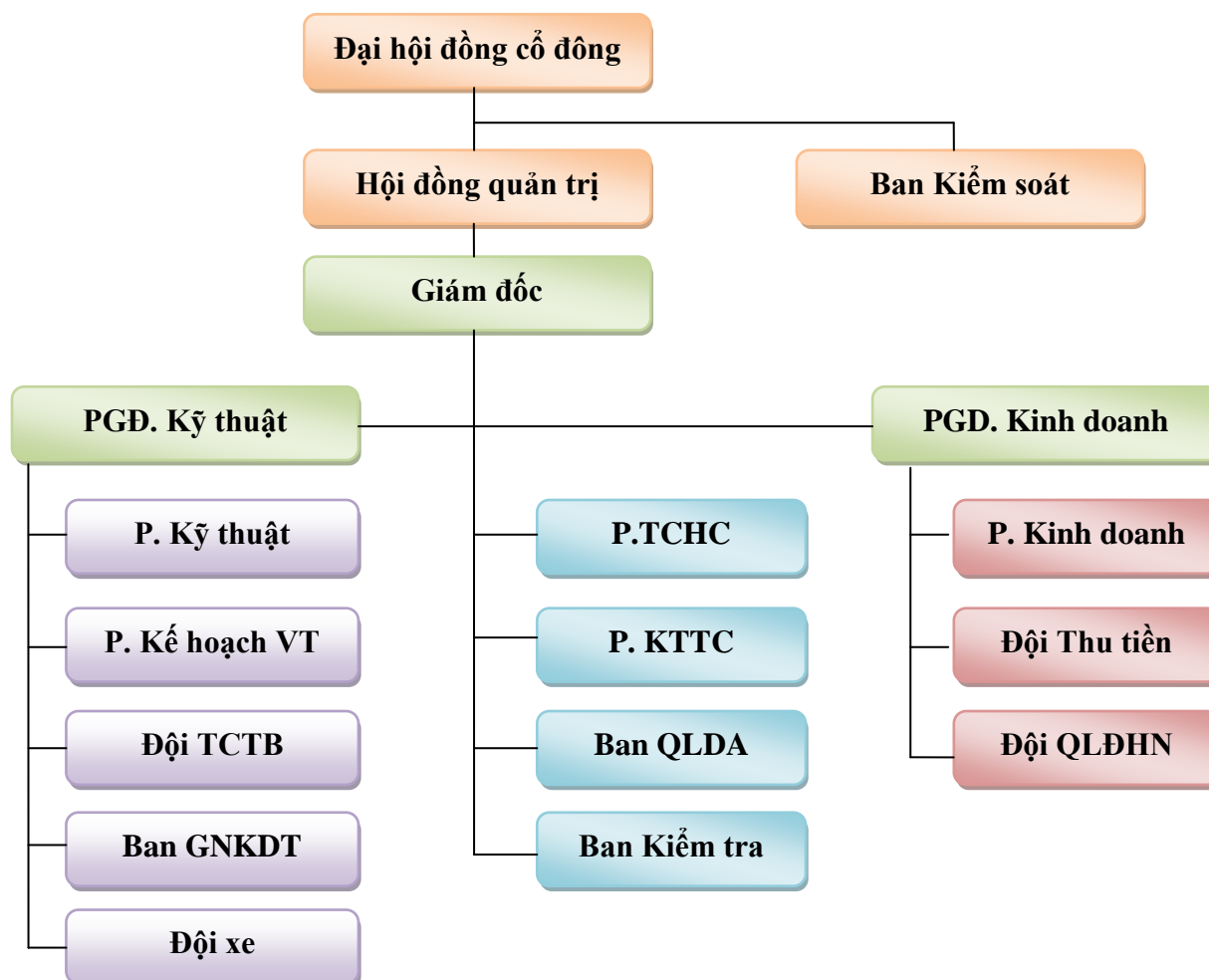
2. Kiểm toán nội bộ: Không có.

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức: Tổng công ty cấp nước Sài Gòn là đơn vị nắm giữ 51% vốn cổ phần.
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: không có
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: không có

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của công ty:



2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Lý lịch tóm tắt
1. Bùi Sĩ Hoàng	Chủ tịch HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh: 06/01/1951 - Giới tính: Nam - Quốc tịch: Việt Nam - Địa chỉ thường trú: 44 Tổng Lung, P. 13, quận 11, Tp.HCM - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân tín dụng ngân hàng, Cử nhân Kế toán ngân hàng. - Cổ phần sở hữu của bản thân: không. - Cổ phần đại diện: 1.083.750 (12,75%)
2. Nguyễn Xuân Cầu	Thành viên HĐQT - Giám đốc	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh: 13/10/1954 - Giới tính: Nam

Họ và tên	Chức vụ	Lý lịch tóm tắt
	công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Quốc tịch: Việt Nam - Địa chỉ thường trú: Lầu 1, số 8 Bà Huyện Thanh Quan, P6, Q3, Tp.HCM. - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế; Cử nhân Luật. - Cổ phần sở hữu của bản thân: 3.400. - Cổ phần đại diện: 1.083.750 (12,75%)
3. Nguyễn Đức Tiến	Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh: 20/9/1953 - Giới tính: Nam - Quốc tịch: Việt Nam - Địa chỉ thường trú: B2 Cư xá Nhà máy nước Thủ Đức, P. Linh Trung, Q. TĐ - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cấp thoát nước. - Cổ phần sở hữu của bản thân: 3.200 - Cổ phần đại diện: 1.083.750 (12,75%)
4. Huỳnh Tuấn Anh	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc Kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh: 26/01/1970 - Giới tính: Nam - Quốc tịch: Việt Nam - Địa chỉ thường trú: 18/24 Bis Trần Quang Diệu, P 14, quận 3, Tp.HCM - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Cao học Quản trị kinh doanh - Cổ phần sở hữu của bản thân: không - Cổ phần đại diện: 1.083.750 (12,75%)
5. Nguyễn T.Thúy Nương	Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh: 30/01/1967 - Giới tính: Nữ - Quốc tịch: Việt Nam - Địa chỉ thường trú: 416/163 Nguyễn Đình Chiểu, P4. Q3, Tp.HCM. - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Cao đẳng kinh tế. - Cổ phần sở hữu của bản thân: 25.000 - Cổ phần đại diện: không.

Họ và tên	Chức vụ	Lý lịch tóm tắt
6. Nguyễn Hoài Nam	Phó giám đốc Kỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh: 11/11/1973 - Giới tính: Nam - Quốc tịch: Việt Nam - Địa chỉ thường trú: 18/9 đường 8, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức. - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng cầu đường, Kỹ sư Cấp thoát nước. - Cổ phần sở hữu của bản thân: không
7. Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Kế toán trưởng	<ul style="list-style-type: none"> - Năm sinh: 02/6/1970 - Giới tính: Nữ - Quốc tịch: Việt Nam - Địa chỉ thường trú: 31 Lê Văn Chí phường Linh Trung, quận Thủ Đức - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế. - Cổ phần sở hữu của bản thân: không

3. Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm: không có

4. Quyền lợi của Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức được hưởng tiền lương, tiền thưởng theo cơ chế chi trả tiền lương chung của Công ty.

4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Số lượng lao động tại 31/12/2011: **304** lao động.

Chính sách đối với người lao động:

Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Trên cơ sở chế độ chung, công ty tổ chức làm việc 8giờ/ngày, 5 ngày/tuần. Tuy nhiên, khi có yêu cầu đáp ứng tiến độ các công trình, công nhân sẽ làm thêm giờ và công ty có chính sách đảm bảo quyền lợi, cũng như đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động, đồng thời tuân thủ các quy định của Luật lao động.

Nghỉ Lễ, Tết, phép: Toàn thể CBCNV của Công ty được nghỉ Lễ, Tết và phép theo đúng Quy định của Luật lao động.

Điều kiện làm việc: Đối với lao động gián tiếp, công ty cố gắng cải tạo các phòng làm việc một cách khoa học; đối với lao động trực tiếp, công ty trang bị đầy đủ dụng

cụ và phương tiện bảo hộ, tuân thủ các qui chuẩn, yêu cầu an toàn trong quá trình lao động, sản xuất.

Chính sách đào tạo:

Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:

Công ty xây dựng và thực hiện chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề, cố gắng tối đa để đảm bảo giải quyết cho người lao động hưởng mức lương tương xứng với năng lực đóng góp, trình độ nghiệp vụ chuyên môn của mỗi người, cùng các chế độ quy định của Nhà nước. Đối với lao động trong công ty được xếp theo thang bảng lương của Nhà nước tại Nghị định 205/2004/NĐ-CP của Chính phủ. Ngoài chế độ lương cơ bản, người lao động còn được hưởng lương năng suất theo đơn giá tiền lương đã được Ban giám đốc phê duyệt.

Ngoài việc trả lương hàng tháng cho người lao động, vào các dịp phát động phong trào thi đua, lễ, tết, công ty đều xếp loại lao động dựa theo các chỉ tiêu năng suất, kỹ luật để khen thưởng.

Chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động:

Công ty luôn quan tâm đến phúc lợi của người lao động, như đóng Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội, Lãnh đạo công ty cùng Ban chấp hành công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình CBCNV khi gặp khó khăn, hoạn nạn.

- Các ngày Trung thu, ngày Một tháng Sáu, công ty cũng tặng quà cho con em CBCNV. Ngoài ra, Công ty còn xây dựng Quỹ học bổng Nguyễn Đức Cảnh để hỗ trợ cho con CBCNV có thành tích học tập xuất sắc và có hoàn cảnh khó khăn.
- Tổ chức các chuyến đi du lịch, nghỉ dưỡng cho CBCNV.
- Định kỳ tổ chức khám sức khoẻ cho CBCNV theo đúng quy định.

5. Thay đổi thành viên HĐQT, Chủ tịch, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng:

▪ Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

Để chuẩn bị cho việc bầu bổ sung một thành viên HĐQT trong Đại hội cổ đông năm 2011, Công ty cổ phần cấp nước đã có thông báo đến toàn thể cổ đông về việc đề cử, ứng cử thành viên HĐQT. Tuy nhiên, đến hết thời gian quy định (28/02/2011) Công ty không nhận được bất cứ đề cử, ứng cử nào của cổ đông.

Thực hiện Khoản 3 Điều 24 Điều lệ công ty, HĐQT đương nhiệm đã đề cử một ứng viên vào HĐQT là bà Nguyễn Thị Thúy Nương, và ứng viên trên đã trúng cử vào HĐQT tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 được tổ chức vào ngày 22/4/2011.

▪ **Thay đổi Trưởng ban kiểm soát:**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010, Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức đã hoàn tất công tác niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM. Khi đăng ký thủ tục niêm yết chứng khoán, Công ty đã ban hành Quy chế quản trị công ty được lập dựa vào Quyết định 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/3/2007 của Bộ Tài chính.

Điều 18 Quy chế quản trị công ty quy định Trưởng ban Kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Do đó, để thực hiện đúng quy định, ban Kiểm Soát đã họp và thống nhất thay thế Trưởng ban Kiểm soát, thông tin cụ thể của Trưởng ban kiểm soát mới như sau:

Họ và tên: Hoàng Ngọc Lâm – hiện là thành viên BKS.

Sinh ngày: 27/02/1973.

Hộ khẩu thường trú: 1623 Phạm Thế Hiển, Phường 6, quận 8, TP.HCM.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành kế toán.

Số lượng Thành viên ban Kiểm soát đương nhiệm không thay đổi gồm:

1. Hoàng Ngọc Lâm – Trưởng ban.
2. Quách Trọng Lượng – Thành viên.
3. Trần Thị Nhị Hà – Thành viên.

Việc thay đổi Trưởng ban Kiểm soát đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011.

▪ **Thay đổi Ban Giám đốc, kế toán trưởng trong năm: Không có.**

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

1.1 Hội đồng quản trị: Gồm 05 người (không chuyên trách), trong đó có 02 thành viên HĐQT kiêm điều hành công ty

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Nhiệm vụ
1. Bùi Sĩ Hoàng	Chủ tịch	20/11/2006	Điều hành chung
2. Nguyễn Xuân Cầu	Thành viên	20/11/2006	Thành viên - kiêm Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Nhiệm vụ
3. Huỳnh Tuấn Anh	Thành viên	20/11/2006	Thành viên – kiêm Phó Giám đốc
4. Nguyễn Đức Tiến	Thành viên	20/11/2006	Tham gia điều hành
5. Nguyễn Thị Thúy Nương	Thành viên	22/04/2011	Tham gia điều hành

1.2 Ban kiểm soát: Gồm 03 người (không chuyên trách).

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Hoàng Ngọc Lâm	Trưởng ban	- Ngày tham gia BKS: 20/11/2006 - Ngày thông qua ĐHCĐ về việc giữ vị trí Trưởng ban Kiểm soát: 22/4/2011	
2. Quách Trọng Lượng	Thành viên	- Ngày được bổ nhiệm Trưởng ban Kiểm soát: 20/11/2006 - Ngày thông qua ĐHCĐ về việc là thành viên BKS: 22/4/2011	
3. Trần Thị Nhị Hà	Thành viên	20/11/2006	

▪ **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị hoạt động theo cơ chế tập trung dân chủ, tuân thủ pháp luật, và điều lệ của công ty. Trong năm 2011, đã tổ chức 10 phiên họp để thảo luận, triển khai nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao.

Từng thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được Chủ tịch HĐQT phân công, bám sát tình hình của công ty để thực hiện đúng chủ trương và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đăng ký.

▪ **Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành**

Thành viên HĐQT không điều hành thực hiện chức trách, nhiệm vụ được phân công với tinh thần trách nhiệm cao, đóng góp tích cực cùng HĐQT ban hành những chủ trương, chính sách phù hợp, giúp hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty đạt hiệu quả cao.

Thành viên HĐQT độc lập không điều hành hiện nay gồm:

1. **Ông Bùi Sĩ Hoàng – Chủ tịch HĐQT:** chịu trách nhiệm chung về mọi hoạt động của Hội đồng quản trị, tham mưu những vấn đề liên quan đến lĩnh vực hoạt động tài chính, chính sách đầu tư, sử dụng nguồn vốn đầu tư ...
2. **Ông Nguyễn Đức Tiến:** chịu trách nhiệm tham mưu cho Ban điều hành những vấn đề liên quan đến các lĩnh vực: nhân sự; lương, thưởng; tuyển dụng, đào tạo nhân sự.
3. **Bà Nguyễn Thị Thúy Nương:** chịu trách nhiệm tham mưu cho Ban điều hành những vấn đề liên quan đến các lĩnh vực: theo dõi tỷ lệ thực thu tiền nước; hoạt động phong trào; chăm lo đời sống cho người lao động.

▪ **Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Ban Kiểm soát hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động riêng, đảm bảo nguyên tắc cơ bản: Ban Kiểm soát là cơ quan có thẩm quyền hoạt động độc lập với HĐQT, Ban điều hành, thay mặt Đại hội đồng cổ đông giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

Năm 2011, Ban kiểm soát đã thực hiện tốt nhiệm vụ, luôn tập trung kiểm tra giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành về việc chấp hành luật pháp, điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT về chế độ thu chi tài chính, chính sách đối với người lao động... tham dự các cuộc họp HĐQT, và đóng góp ý kiến liên quan đến công tác điều hành, quản lý.

▪ **Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:**

Theo kế hoạch, năm 2012 Hội đồng quản trị đã thống nhất những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2012 như sau:

- Đảm bảo tính minh bạch trong mọi thông tin liên quan đến công ty, nhằm tạo niềm tin với nhà đầu tư. Nâng cao chất lượng phục vụ.
- Cải tiến phương thức quản lý.
- Sửa đổi, bổ sung một số điều trong Điều lệ và Quy chế hoạt động của công ty cho phù hợp với thực tế.

▪ **Thù lao của HĐQT, BKS:**

Tổng thù lao của thành viên HĐQT, BKS và Thư ký năm 2011 là 258.000.000 đồng (hai trăm năm mươi tám triệu đồng). Cụ thể như sau:

Stt	Diễn giải	Chức danh	Mức thù lao đồng/tháng	Tổng thù lao năm 2011
1	Bùi Sĩ Hoàng	Chủ tịch HĐQT	3.500.000	42.000.000

Stt	Diễn giải	Chức danh	Mức thù lao đồng/tháng	Tổng thù lao năm 2011
2	Nguyễn Xuân Cầu	TV. HĐQT	3.000.000	36.000.000
3	Huỳnh Tuấn Anh	TV. HĐQT	3.000.000	36.000.000
4	Nguyễn Đức Tiến	TV. HĐQT	3.000.000	36.000.000
5	Nguyễn T. Thúy Nương (Từ tháng 5/2011)	TV. HĐQT	8 x 3.000.000	24.000.000
6	Hoàng Ngọc Lâm (là Trưởng ban Kiểm soát từ tháng 4/2011)	Trưởng BKS	3 x 1.500.000 9 x 2.500.000	27.000.000
7	Quách Trọng Lượng (là TV.BKS từ tháng 4/2011)	TV.BKS	3 x 2.500.000 9 x 1.500.000	21.000.000
8	Trần Thị Nhị Hà	TV.BKS	1.500.000	18.000.000
9	Nguyễn.T.Tuyết Nhung	Thư ký HĐQT	1.500.000	18.000.000
Tổng cộng:				258.000.000

- Số lượng thành viên HĐQT, BKS, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ của thành viên HĐQT (tính đến ngày 31/12/2011):

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ %	Thay đổi
1. Ông Bùi Sĩ Hoàng	Chủ tịch	1.083.750	12,75	không
2. Ông Nguyễn Xuân Cầu	Thành viên	1.083.750	12,75	không
3. Ông Huỳnh Tuấn Anh	Thành viên	1.083.750	12,75	không
4. Ông Nguyễn Đức Tiến	Thành viên	1.083.750	12,75	không

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên: Không có

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn tại ngày 19/03/2012.

2.1 Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông:

Stt	Loại hình cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I.	Trong nước	5.843.280	68,74
1	Tổ chức trong nước	5.260.178	61,88
2	Cá nhân trong và ngoài công ty	583.102	6,86

Stt	Loại hình cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
II.	Nước ngoài :	2.656.720	31,26
1	Tổ chức	2.623.500	30,86
2	Cá nhân	33.220	0,4

2.2 Thông tin chi tiết về cổ sáng lập:

Tên cổ đông	Địa chỉ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
- Tổng công ty cấp nước Sài Gòn	Số 01 Công trường Quốc Tế, Q3, Tp.HCM	4.335.000	51
- Cty cổ phần sữa Việt Nam	184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Q3, Tp.HCM	850.000	10
- VOF INVESTMENT LIMITED (nhận chuyển nhượng từ Cty cổ phần sữa Việt Nam năm 2008)	Phòng 1703, Lầu 17, cao ốc Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Q1, Tp.HCM	2.550.000	30

2.3. Thông tin chi tiết về cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài.

Tên cổ đông	Địa chỉ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
VOF Investment Limited	Phòng 1703, Lầu 17, cao ốc SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Q1, Tp.HCM	2.550.000	30
Matsushima Hisashi	6-4 Kuriyama Matsudo-shi Chiba Japan	3,720	0,044
Nobuyuki Sano	Kanagawa-Ken, Yokohama- Shi, Kanazawa-Ku, OOKawa 7 Radiant City	100	0,001
Wataru Miyazawa	6-5-5-603 chuourinkan Yamatoshi, Kanagawa-ken, Japan	100	0,001
Willem Stuive	Sluispolderweg 11, 1505, HJ Zanndam, NL	27,000	0,318
Yamamoto Kenji	4260-6 Shirasuka Kosai-shi Shizuoka, Japan	2,000	0,024
Yamazaki Atsushi	165 Ongi, Yotsukaido-shi, Chiba-ken, Japan	100	0,01
Yutaka Noda	993-5 Koyurugi Samukawamachi Kozagun Kanagawaken Japan	200	0,02
Iwai Securities Co.LTD	1-8-16 Kitahama Chuo-ku Osaka 541-0041 Japan	1,000	0,012
Kim Eng Securities Pte. Ltd -	9 Temasek Boulevard #39-00	60,810	0,715

Tên cổ đông	Địa chỉ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
Trust	Suntec Tower Two Singapore 038989		
New-s Securities Co.LTD.	Ebisu Bldg, 11-10, 3-Chome, Higashi, Shibuya-Ku, Tokyo	10,010	0,118
Okasan International Asia LTD	Unit Nos 4601.3 The Centrer 99 Queen's road central HongKong	1,500	0,018
SBI Securities Co.LTD.	6-1 RoppongI 1-Chome, Minato-Ku, Tokyo, Japan	180	0,02
Tổng cộng		2.656.720	31,26

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- VP.TCTy;
- BKS.TCTy;
- HĐQT Cty;
- BKS Cty;
- BGD Cty;
- P.TCHC;
- Lưu.

GIÁM ĐỐC 



Nguyễn Xuân Cầu